

BỘ NGOẠI GIAO  
Số: 163/NG-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 1995

## THÔNG TƯ

CỦA BỘ NGOẠI GIAO SỐ: 163/NG-TT NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 1995

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/CP NGÀY 24/08/1995

CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỦ TỤC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH.

- Thi hành Nghị định số 24/CP ngày 24/03/1995 của Chính phủ về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, Bộ Ngoại giao hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Ngoại giao như sau:

### I - Quy định chung

1) Về nguyên tắc, mỗi công dân Việt Nam chỉ được sử dụng một hộ chiếu. Trường hợp cá biệt vì yêu cầu công tác và nếu có văn bản đề nghị của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xuất cảnh thì các cơ quan được uỷ quyền cấp hộ chiếu sẽ xem xét cấp hộ chiếu mới phù hợp với tính chất chuyên đi.

2) Cục Lãnh sự, Sở ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Ngoại giao uỷ quyền cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và các loại thị thực vào những hộ chiếu này; cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh và gia hạn, bổ sung, sửa đổi các loại thị thực Việt Nam cho người nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự và điện báo cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo quy định của Điều 4 Nghị định 24/CP.

3) Phù hợp với Pháp lệnh về cơ quan đại diện nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 02/12/1993 và Pháp lệnh Lãnh sự ngày 13/12/1990, các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và những cơ quan đại diện khác của Việt Nam ở nước ngoài được uỷ quyền thực hiện chức năng lãnh sự (dưới đây gọi là cơ quan đại diện) cấp các loại hộ chiếu, cấp thị thực vào các loại hộ chiếu, cấp thị thực vào các loại hộ chiếu Việt Nam và cấp thị thực cho người nước ngoài.

## II. Thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hộ chiếu và thị thực cho công dân Việt Nam

### 1) Hồ sơ xin cấp hộ chiếu gồm:

a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền, theo quy định tại các khoản 1, 2 hoặc 3 Điều 1 Nghị định 24/CP (sau đây gọi là cơ quan chủ quản), do Thủ trưởng cơ quan đó ký, trong đó ghi rõ nước đi, thời gian, cửa khẩu và số lần xuất cảnh. Nếu là văn bản của Thủ trưởng cơ quan được phân cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 24/CP thì phải có văn bản của Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh gửi Bộ Ngoại giao giới thiệu chữ ký, con dấu và phạm vi uỷ quyền.

Trường hợp cơ quan chủ quản đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định 48/CP) thì cần có công văn của cơ quan chủ quản trong đó nêu rõ yêu cầu và tính chất của chuyến đi.

b) Tờ khai cấp hộ chiếu, thị thực theo mẫu của Bộ Ngoại giao có dán ảnh của người xin cấp hộ chiếu, đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan trực tiếp quản lý. Nếu thủ trưởng cơ quan chủ quản quản lý ký xác nhận vào Tờ khai thì không cần văn bản nêu tại điểm (a). Kèm theo Tờ khai nộp 3 ảnh cỡ 4x6, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, chụp không quá 1 năm trở lại.

c) Trường hợp đi những nước chưa có thoả thuận miễn thị thực đối với hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ thì cần nộp thêm bản chụp giấy mời vửa phía nước ngoài hoặc những thông tin về tên tổ chức, cá nhân ở nước ngoài mời, nội dung công việc v.v... để thuận lợi trong việc làm công hàm xin thị thực.

2) Trường hợp đã có hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị và lần xuất cảnh này cách lần trước chưa quá 12 tháng thì cần nộp:

a) Văn bản nêu tại điểm (1) (a).

b) Tờ khai cấp thị thực theo mẫu của Bộ Ngoại giao có dán ảnh nhưng không cần xác nhận của cơ quan trực tiếp quản lý. Nếu Thủ trưởng cơ quan chủ quản ký xác nhận vào Tờ khai thì không cần văn bản nêu tại điểm (1) (a).

c) Hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị.

3) Trường hợp người xuất cảnh đã có hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị, nhưng tính chất chuyến đi lần này khác với lần khác với lần trước và có yêu cầu xin cấp loại hộ chiếu khác với hộ chiếu đang có thì nộp hồ sơ quy định tại điểm (2) nêu trên, kèm theo 3

ảnh. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ sẽ xem xét cấp loại hộ chiếu phù hợp theo quy định của Nghị định 48/CP và giữ lại hộ chiếu cũ.

4) Trường hợp vợ (chồng), con dưới 16 tuổi của thành viên cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài xin đi theo thành viên đó:

a) Nếu người xin đi theo thuộc biên chế Nhà nước hồ sơ như quy định tại điểm (1) trên đây và ý kiến bằng văn bản của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao.

b) Nếu người xin đi theo ngoài biên chế Nhà nước, hồ sơ gồm:

- Tờ khai cấp hộ chiếu, thị thực, có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và xác nhận có đủ điều kiện xuất cảnh của Công an phường, xã nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, kèm 03 ảnh.

- ý kiến bằng văn bản của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao.

c) Nếu có trẻ em dưới 16 tuổi đi kèm thì:

- Trong văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc xác nhận của công an Phường xã cần nêu rõ là có trẻ em đi kèm.

- Trong Tờ khai của cha (mẹ) hay người đỡ đầu phải ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh của trẻ em đó, dán ảnh có đóng dấu giáp lai của cơ quan cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu và nộp 2 ảnh của trẻ em đó.

5) Việc gia hạn hộ chiếu quy định như sau:

- Ba mươi ngày trước khi hộ chiếu hết hạn, công dân Việt Nam đang ở nước ngoài đến cơ quan đại diện xin gia hạn hộ chiếu. Cơ quan đại diện quyết định thời hạn gia hạn hộ chiếu, nhưng không được quá 3 năm, tính từ ngày hộ chiếu hết hạn và chỉ được gia hạn 1 lần.

- Những người đang ở trong nước mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đến Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh) gia hạn hộ chiếu khi có quyết định xuất cảnh và cũng chỉ được gia hạn một lần 3 năm.

6) ở nước ngoài, việc cấp đổi hộ chiếu quy định như sau:

a) Đối với trường hợp mất hộ chiếu, hồ sơ gồm:

- Tờ khai cấp hộ chiếu có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và xác nhận của bộ phận chuyên trách của Cơ quan đại diện trực tiếp quản lý (nếu có); kèm theo Tờ khai nộp 3 ảnh.

- Giấy xác nhận của công an nước sở tại theo quy định của khoản 1 Điều 13 Nghị định 48/CP.

Cơ quan đại diện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. Nếu đủ cơ sở để khẳng định là hộ chiếu khai báo đã bị mất, cơ quan đại diện thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự các nước và cơ quan chức năng của nước sở tại về việc huỷ sổ hộ chiếu đó, đồng thời cấp hộ chiếu mới và thông báo về Cục Lãnh sự họ tên của người mang hộ chiếu, năm sinh, địa chỉ trong nước, số, loại, ngày cấp, cơ quan cấp hộ chiếu cũ và số, ngày cấp hộ chiếu mới. Trường hợp người mất hộ chiếu chỉ có nhu cầu được cấp giấy tờ để về nước thì cơ quan đại diện có thể cấp giấy thông hành thay hộ chiếu.

Trường hợp không đủ cơ sở để xác định về hộ chiếu (được khai báo là mất), cơ quan đại diện có trách nhiệm thông báo họ tên, số và ngày cấp cho cơ quan đã cấp hộ chiếu và chỉ sau khi cơ quan này xác nhận là có cấp hộ chiếu đó mới xem xét quyết định việc cấp hộ chiếu khác.

b) Trường hợp hộ chiếu rách nát, hư hỏng, hết trang hay hết thời hạn sử dụng (hộ chiếu đã được gia hạn một lần):

Ngoài Tờ khai như nêu tại điểm (6) (a) trên, người xin cấp hộ chiếu cần nộp lại hộ chiếu cũ. Cơ quan đại diện có trách nhiệm xác minh nếu đúng là hộ chiếu hợp lệ thì cấp hộ chiếu mới và thông báo cho Cục Lãnh sự biết. Trường hợp cơ quan đại diện không đủ cơ sở để xác minh thì cần xin ý kiến của Bộ Ngoại giao và chỉ cấp hộ chiếu mới khi được Bộ Ngoại giao đồng ý.

c) Trường hợp có sự thay đổi tính chất chuyển đi hoặc nhiệm vụ công tác thì cơ quan đại diện xem xét hộ chiếu mới theo quy định của Nghị định 48/CP, thu hồi và báo huỷ hộ chiếu cũ.

7) Việc cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước quy định như sau:

a) Công dân Việt Nam đang công tác ở nước ngoài về nước có thời hạn, nếu mất hộ chiếu, phải nộp cho cơ quan được uỷ quyền cấp hộ chiếu, thị thực những giấy tờ sau:

- Tờ khai cấp hộ chiếu, có dán ảnh, đóng dấu giáp lai và văn bản của cơ quan chủ quản đề nghị cấp hộ chiếu mới; kèm theo 3 ảnh.

- Bản khai báo mất hộ chiếu có xác nhận của đồn công an nơi mất hộ chiếu.

b) Nếu người mất hộ chiếu chưa có nhu cầu xuất cảnh thì vẫn phải khai báo cho đồn công an nơi xảy ra sự việc và cho Bộ Ngoại giao.

Khi có nhu cầu xuất cảnh, người mất hộ chiếu phải làm thủ tục quy định tại điểm (1).

c) Trường hợp đổi hộ chiếu bị rách nát, hư hỏng, các cơ quan được uỷ quyền cấp hộ chiếu có trách nhiệm kiểm tra hộ chiếu đó trước khi cấp hộ chiếu mới và nếu phát hiện có hành vi quy

định tại Điều 14 Nghị định 48/CP thì quyết định huỷ bỏ, thu hồi, giữ lại hộ chiếu hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý. Trường hợp chuyển hộ chiếu cho cơ quan có thẩm quyền xử lý thì chỉ xem xét cấp hộ chiếu mới sau khi có kết luận của cơ quan đó người mang hộ chiếu không có các hành vi quy định tại Điều 14.

8) Việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi và huỷ bỏ thị thực cho công dân Việt Nam quy định như sau:

a) Việc cấp thị thực:

- Những người xuất cảnh có thời hạn được cấp thị thực xuất cảnh;
- Những người đang công tác có thời hạn ở nước ngoài về nước ngắn hạn được cấp thị thực nhập - xuất cảnh có giá trị một lần. Hồ sơ gồm: Tờ khai có dán ảnh, có ý kiến đồng ý của cơ quan quản lý hoặc bộ phận trực tiếp quản lý (nếu có) và hộ chiếu hợp lệ. Trường hợp về nước không có thị thực nhập - xuất cảnh thì khi đi phải làm thủ tục cấp thị thực xuất cảnh. Hồ sơ theo quy định của điểm (2) nêu trên.
- Cơ quan được uỷ quyền cấp hộ chiếu, thị thực xem xét cấp thị thực xuất nhập cảnh hoặc nhập xuất cảnh nhiều lần theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chủ quản.

b) Việc gia hạn thị thực:

Căn cứ vào hồ sơ gồm hộ chiếu còn giá trị và công và công văn đề nghị của cơ quan chủ quản, cơ quan được uỷ quyền cấp hộ chiếu, thị thực sẽ ra hạn thị thực theo quy định dưới đây:

- Thị thực xuất cảnh có thể được ra hạn một hoặc nhiều lần nhưng tổng thời gian gia hạn tối đa không quá 3 tháng.
- Thị thực nhập - xuất cảnh có giá trị một lần có thể được gia hạn một hoặc nhiều lần nhưng tổng thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng.
- Trường hợp thị thực xuất cảnh đã quá thời hạn 6 tháng hoặc thị thực nhập - xuất cảnh có giá trị một lần đã quá thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, thị thực nhập - xuất cảnh, thị thực xuất - nhập cảnh có giá trị nhiều lần có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ công tác hết hạn thì không gia hạn mà cấp thị thực mới.

c) Việc bổ sung, sửa đổi thị thực:

- Việc bổ sung, sửa đổi thị thực được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chủ quản.